

Số: 27/2021/QĐST-HNGĐ

Duyên H, ngày 19 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 234/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông La Văn D, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp Cây X, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Tăng Thị Ch, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp Cây X, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh (Chỗ ở: ấp Bà Nh, xã Đôn Ch, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tăng Thị Ch: Ông Lưu Văn Đ, sinh năm 1977, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N. Địa chỉ trụ sở: Số 02 Láng H, Ba Đ, Hà Nội. Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Trịnh Ngọc Kh; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N.

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt N. Địa chỉ chi nhánh Trà Vinh: Số 28 Nguyễn Thị Minh Kh, phường 2, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh.

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt N. Địa chỉ trụ sở: số 169 Phố Linh Đg, Hoàng L, Hoàng M, Hà Nội. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng: Bà Phạm Thị Thu L; Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Duyên H. Địa chỉ phòng giao dịch: số 12, Điện Biên Ph, khóm 1, phường 1, thị xã Duyên H, tỉnh Trà Vinh

Bà Thạch Út Nh, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp Cây X, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

Bà Trần Thị Th, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Cây X, xã Ng L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1985. Địa chỉ: khóm 2, phường 2, thị xã Duyên H, tỉnh Trà Vinh

Bà Huỳnh Thị Bé N, sinh năm 1976. Địa chỉ ấp Cây X, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Th. Địa chỉ: ấp Đường L, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

Con chung: Anh La Vĩnh Kh, sinh ngày 15/8/2002 và chị La Thị Mỹ U, sinh ngày 25/10/2003.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, đồng thời có sự đồng ý bằng văn bản của đương sự vắng mặt là: bà Thạch Út Nh, bà Trần Thị Th, bà Huỳnh Thị Bé N, bà Nguyễn Thị Ngọc Th, Ngân hàng chính sách xã hội Việt N và không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tăng Thị Ch đối với ông La Văn D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

Về con chung: Ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch thống nhất xác nhận hai người có con chung là anh La Vĩnh Kh, sinh ngày 15/8/2002 và chị La Thị Mỹ U, sinh ngày 25/10/2003. Tại thời điểm giải quyết vụ án, anh La Vĩnh Kh và chị La Thị Mỹ U đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động nên về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về quyền chung về tài sản: Ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản:

- Đối với nợ bà Trần Thị Mộng T: Ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch với bà Trần Thị Mộng T thống nhất xác nhận số tiền ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch còn thiếu bà Trần Thị Mộng T 12.000.000 đồng và ba người cùng thỏa thuận là: Ông La Văn D đồng ý trả cho bà Trần Thị Mộng T toàn bộ số tiền 12.000.000đ (*bằng chữ*: mười hai triệu đồng) theo yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Mộng T.

- Đối với nợ bà Trần Thị Th: Ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch thống nhất xác nhận số tiền ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch còn thiếu bà Trần Thị Th 38.000.000 đồng, ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch thỏa thuận (có sự đồng ý bằng văn bản của bà Trần Thị Th) là: Bà Tăng Thị Ch đồng ý trả cho bà Trần Thị Th toàn bộ số tiền 38.000.000đ (*bằng chữ*: ba mươi tám triệu đồng) theo yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Th.

- Đối với nợ bà Thạch Út Nh: Ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch thống nhất xác nhận số tiền ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch còn thiếu bà Thạch Út Nh 8.000.000 đồng, ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch thỏa thuận (có sự đồng ý bằng văn bản của bà Thạch Út Nh) là: Bà Tăng Thị Ch đồng ý trả cho bà Thạch Út Nh toàn bộ số tiền 8.000.000đ (*bằng chữ*: tám triệu đồng) theo yêu cầu độc lập của bà Thạch Út Nh.

- Đối với nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt N: Ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch thống nhất xác nhận số tiền ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch còn thiếu Ngân hàng chính sách xã hội Việt N gốc, lãi 19.112.438 đồng, ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch thỏa thuận (có sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng chính sách xã hội Việt N) là: Bà Tăng Thị Ch đồng ý trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt N toàn bộ số tiền 19.112.438 đồng theo yêu cầu độc lập của Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đối với nợ bà Huỳnh Thị Bé Năm: Ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch thống nhất xác nhận số tiền ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch còn thiếu bà Huỳnh Thị Bé N 10.000.000 đồng, ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch thỏa thuận là: Ông La Văn D đồng ý trả cho bà Huỳnh Thị Bé N toàn bộ số tiền 10.000.000đ (*bằng chữ*: mười triệu đồng). Nhưng theo biên bản lấy lời khai đối với bà Huỳnh Thị Bé N, thì bà Bé N không có yêu cầu độc lập đòi trả tiền trong vụ án nên Tòa án không giải quyết chung trong vụ án ly hôn (nếu sau này ông La Văn D không trả tiền thì bà Huỳnh Thị Bé N được quyền khởi kiện một án dân sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự).

Riêng về số tiền nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N (100.000.000đ), nợ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt N (500.000.000đ), nợ bà Nguyễn Thị Ngọc Th, thì theo văn bản số 01/2021/TB ngày 14/10/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp, văn bản số 63/VCBTV.DH ngày 07/10/2021 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương và biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Ngọc Th, thì các đương sự xác định cho rằng ông La Văn D và bà Tăng Thị Ch đã trả hết ba khoản nợ này xong và yêu cầu không tham gia tố tụng nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 150.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tiền phải trả cho bà Trần Thị Mộng T là 300.000 đồng, ông La Văn D tự nguyện đồng ý chịu toàn bộ, tổng cộng bằng 450.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000660 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Ông La Văn D phải nộp thêm 150.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt N (19.112.438 đồng), số tiền phải trả cho bà Trần Thị Th (38.000.000đ), số tiền phải trả cho bà Thạch Út Nh (8.000.000đ), tổng cộng bằng 65.112.438 đồng $\times 2,5\% = 1.627.810,95$ đồng (tính tròn bằng 1.627.811 đồng), bà Tăng Thị Ch đồng ý chịu toàn bộ 1.627.811 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0006941 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh, trả lại bà Tăng Thị Ch tiền tạm ứng án phí còn dư 3.372.189 đồng theo biên lai thu tiền số 0006941 ngày 09/11/2021 nêu trên.

Các đương sự còn lại không phải chịu tiền án phí.

Trả lại bà Thạch Út Nh tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003997 ngày 12/3/2021; Trả lại bà Trần Thị Th tiền tạm ứng án phí đã nộp 950.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003998 ngày 12/3/2021; Trả lại bà Trần Thị Mộng T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003854 ngày 19/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

Đối với Ngân hàng chính sách xã hội Việt N thuộc đối tượng không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên khi nộp đơn yêu cầu độc lập không có nộp tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên H;
- CCTHADS huyện Duyên H;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga

